

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Lâm Đồng, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

Phần I.....	3
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	3
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	3
1. Xu thế toàn cầu	3
2. Bối cảnh của Việt Nam	4
3. Tính cấp thiết xây dựng Đề án.....	5
II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	7
1. Cơ sở lý luận	7
2. Căn cứ pháp lý	7
III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN	10
1. Phạm vi của Đề án.....	10
2. Đối tượng của Đề án.....	10
Phần II	11
HIỆN TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG	11
I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025	11
1. Phát triển hạ tầng số.....	11
2. Chính quyền số	12
3. Kinh tế số	14
4. Xã hội số.....	14
5. Công tác quản lý, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.....	16
6. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực.....	17
7. Các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số	18
II. ĐÁNH GIÁ CHUNG	22
1. Kết quả đạt được.....	22
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	23
3. Bài học kinh nghiệm.....	23
Phần III	25
NỘI DUNG ĐỀ ÁN.....	25
I. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030	25
II. QUAN ĐIỂM.....	25
III. MỤC TIÊU.....	26
1. Mục tiêu tổng quát.....	26
2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.....	27
IV. NHIỆM VỤ	28

V. GIẢI PHÁP.....	35
1. Xác định mũi đột phá ưu tiên nguồn lực làm nền tảng và thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong các năm tiếp theo	35
1.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu tỉnh Lâm Đồng	35
1.2. Phát triển Trung tâm Điều hành đô thị thông minh	35
2. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền.....	35
3. Nhóm giải pháp về công nghệ và tiêu chuẩn.....	36
4. Nhóm giải pháp về giám sát, đánh giá	36
5. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và đào tạo nhân lực	36
6. Nhóm giải pháp về tài chính	37
7. Nhóm giải pháp về an toàn thông tin	37
VI. KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN	37
1. Nguồn vốn.....	37
2. Lộ trình thực hiện	37
VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	37
1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lâm Đồng (Ban Chỉ đạo tỉnh)	37
2. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội	38
3. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ	38
5. Trách nhiệm của Sở Tài chính.....	38
6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành.....	39
7. UBND các xã, phường, đặc khu.....	39
8. Trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh	40
Phần IV.....	41
DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ KẾT LUẬN.....	41
I. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN.....	41
1. Hiệu quả về quản lý nhà nước	41
2. Hiệu quả về kinh tế - xã hội	41
3. Tác động của chuyển đổi số lên cuộc sống.....	42
II. KẾT LUẬN	43
PHỤ LỤC	44
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN	44

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Xu thế toàn cầu

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra với tốc độ nhanh, phạm vi rộng, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Trọng tâm của cuộc cách mạng này là công nghệ số và các công nghệ mới nổi (AI, IoT, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, thực tế ảo/tăng cường, công nghệ sinh học...). Các quốc gia tiên phong trong chuyển đổi số đều đạt được bước tiến vượt bậc về tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và chất lượng sống.

Chuyển đổi số trở thành xu thế tất yếu, là động lực then chốt để nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số, bao gồm:

(1). Internet di động (Mobile Internet): Thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới như nền kinh tế ứng dụng, dịch vụ OTT và thương mại di động.

(2). Trí tuệ nhân tạo (AI) và Machine Learning: Tăng cường khả năng phân tích dữ liệu và tự động hóa quy trình.

(3). Internet vạn vật (IoT): Kết nối các thiết bị và hệ thống, tạo ra mạng lưới thông minh.

(4). Công nghệ đám mây (Cloud Computing): Cho phép lưu trữ và xử lý dữ liệu linh hoạt, giảm chi phí hạ tầng.

(5). Công nghệ chuỗi khối (Blockchain): Đảm bảo tính minh bạch và bảo mật trong giao dịch.

(6). Thực tế ảo và tăng cường (VR/AR): Cải thiện trải nghiệm người dùng trong nhiều lĩnh vực.

(7). Công nghệ sinh học (Biotechnology): Đột phá trong y tế và nông nghiệp.

(8). Năng lượng tái tạo (Renewable Energy): Hướng tới phát triển bền vững.

(9). In 3D (3D Printing): Cách mạng hóa sản xuất và thiết kế.

(10). An ninh mạng (Cybersecurity): Bảo vệ dữ liệu và hệ thống trước các mối đe dọa.

Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, nhiều nước đã xây dựng và triển khai các chiến lược/chương trình quốc gia về chuyển đổi số, như: Anh,

Úc, Đan Mạch, Estonia, Israel, Mexico, Singapore, Thái Lan, Uruguay,... Nội dung chuyển đổi số của các nước tuy có khác nhau, phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước nhưng tựu chung đều hướng tới các trụ cột sau: (1) Chuyển đổi số nền kinh tế (kinh tế số), gồm: phát triển các doanh nghiệp số; chuyển đổi số cho các doanh nghiệp truyền thống hướng tới sản phẩm tích hợp số; chuyển đổi mô hình kinh doanh trên nền tảng số; thay đổi quy trình sản xuất dựa trên dữ liệu số, tự động hóa, ảo hóa,...; phát triển tài chính số; phát triển thương mại điện tử; chuyển đổi số trong một số ngành kinh tế trọng điểm, như: nông nghiệp, du lịch, điện lực, giao thông,... (2) Chuyển đổi số xã hội (xã hội số), trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm khoảng cách xã hội, như: giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn an ninh xã hội,... (3) Chuyển đổi số trong cơ quan Chính phủ (Chính phủ số), hướng tới cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân, tăng cường sự tham gia người dân trong các hoạt động cơ quan nhà nước; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; phát triển dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện chuyển đổi số theo các lĩnh vực trên, các nước cũng xác định các yếu tố nền tảng cần bảo đảm, như: phát triển hạ tầng số - phát triển mạng di động thế hệ mới, kết nối cáp quang đến các gia đình, doanh nghiệp, cung cấp wifi miễn phí tại khu vực công cộng, phát triển điện toán đám mây, hạ tầng internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn,...; phát triển lực lượng lao động có kỹ năng số; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các công nghệ số mới; xây dựng khung pháp lý để bảo đảm môi trường an toàn, tin cậy, thúc đẩy chuyển đổi số.

2. Bối cảnh của Việt Nam

Ở Việt Nam, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định sự phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc, định hướng lãnh đạo và khung pháp lý cho chuyển đổi số cũng đã được xác lập rất rõ trong các văn bản của Đảng và Nhà nước như: Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định, cùng với khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, **“chuyển đổi số”** là một trong ba trụ cột và là khâu đột phá chính góp phần tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày

15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, ... Với mục tiêu là đến năm 2030 “Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến”. Trong thời gian qua, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tập trung đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số; nhiều tỉnh đã ban hành Nghị quyết của Đảng và Đề án của chính quyền để lãnh đạo và tổ chức thực hiện; có thể nói khí thế chuyển đổi số đang lên cao và lan tỏa rộng rãi trong hệ thống chính trị các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân; chuyển đổi số bước đầu có bước chuyển rõ nét góp phần phát triển thúc đẩy kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, từng bước nâng cao sự hài lòng và hạnh phúc của nhân dân.

3. Tính cấp thiết xây dựng Đề án

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là yêu cầu khách quan, cấp bách trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã xác định đây là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh và bền vững lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu. Đồng thời, Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ đã đề ra các giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện, nhằm biến chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị thành hành động thực tiễn, đồng bộ trên phạm vi cả nước. Như vậy, việc bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71-NQ/CP của Chính phủ vừa thể hiện tính tất yếu, vừa là yêu cầu xuyên suốt để tạo xung lực mới, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số.

Ngày 29/8/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động số 08-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính

trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị với mục tiêu *“Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực của chính tăng trưởng kinh tế - xã hội”*

Để tiếp tục thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy đã xác định *“Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị nhà nước, doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân thông qua chuyển đổi số. Phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số”*; cùng với yêu cầu thực hiện đạt kết quả cụ thể, rõ nét đối với 09 lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số, gồm: sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, thương mại, tài nguyên và môi trường, tài chính - ngân hàng, y tế, giáo dục và đào tạo, hành chính công. Do vậy, yêu cầu đặt ra phải xây dựng đề án để xác định nhiệm vụ, lộ trình phù hợp để thực hiện gắn với yêu cầu phân bổ các nguồn lực.

Chuyển đổi số trên quy mô toàn tỉnh là công việc của nhiều cấp, nhiều ngành, và của toàn xã hội, nên cần có một Đề án chung để bảo đảm việc triển khai đồng bộ, có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ rộng khắp, hiệu quả. Chính vì vậy, Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng được xây dựng nhằm xác định tầm nhìn, mục tiêu và những định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong xã hội xác định và triển khai kế hoạch chuyển đổi số cụ thể của mình. Từ đó, sẽ phản ánh tầm nhìn, nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2026 - 2030 để đẩy mạnh sáng tạo, phát triển đột phá công nghệ kỹ thuật số, từ đó thúc đẩy sự phát triển tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nguyện vọng người dân trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở đó, việc xây dựng và ban hành **Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2026 - 2030”** là hết sức cần thiết, nhằm cụ thể hóa chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, đồng thời tạo bước đột phá trong cải cách hành chính, phát triển kinh tế số, nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở lý luận

Việt Nam đang nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, coi chuyển đổi số là một trong những nhân tố quan trọng, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Là một quốc gia phát triển sau, Việt Nam cần phải tận dụng những lợi thế của chuyển đổi số để hiện đại hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng khả năng cạnh tranh, thu hẹp khoảng cách số với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Nhằm hiện thực hóa định hướng trên, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã nhận định rõ về những ưu thế của cuộc CMCN 4.0 và việc đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở, nền tảng chuyển đổi số. Trước đó, trong “*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 khẳng định: “Một cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin của mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số. Mỗi cơ quan, tổ chức và cả quốc gia cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, trong đó, việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương có ý nghĩa sống còn, là cơ hội để phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương và nâng cao thứ hạng quốc gia. Đi nhanh, đi trước giúp dễ thu hút nguồn lực. Nếu đi chậm, đi sau, khi chuyển đổi số đã trở thành xu hướng phổ biến thì nguồn lực trở nên khan hiếm, cơ hội sẽ ít đi, sẽ bỏ lỡ cơ hội phát triển”.

Các quan điểm, định hướng về chuyển đổi số được nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các chiến lược của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ban, ngành Trung ương là cơ sở lý luận quan trọng làm cơ sở cho việc xây dựng **Đề án chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2026 - 2030**.

2. Căn cứ pháp lý

2.1 Các chủ trương chính sách của Trung ương

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lâm Đồng năm 2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Dự án Trung tâm dữ liệu quốc gia;
- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Nghị quyết số 04/2025/NQ-CP ngày 20/8/2025 của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các Bộ ngành địa phương;

- Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Bộ tiêu chí đánh giá - Mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp;

- Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;

- Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và Hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành kiến trúc tổng thể quốc gia số.

2.2 Các chủ trương, chính sách của tỉnh

- Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Kế hoạch liên tịch số 6888/KHLT-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đảm bảo hạ tầng, nền tảng số, hệ thống thông tin trong quá trình triển khai Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và

Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 21/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi của Đề án

- Phạm vi áp dụng: Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Thời gian: Triển khai đến năm 2030.

2. Đối tượng của Đề án

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Phần II

HIỆN TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

1. Phát triển hạ tầng số

- *Hạ tầng viễn thông và Internet*: Hệ thống truyền dẫn cáp quang, mạng internet băng rộng, di động được đầu tư nâng cấp, phát triển phủ sóng đến mọi địa bàn dân cư⁽¹⁾; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 4G, 5G đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh⁽²⁾.

- *Hạ tầng dữ liệu*: Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành từng bước được xây dựng, phát triển; tỉnh đã triển khai 07 nền tảng dùng chung⁽³⁾; nhiều nền tảng số nội địa trong ngân hàng, mạng xã hội, truyền thông... được người dân, doanh nghiệp lựa chọn, dần thay thế nền tảng nước ngoài.

- *Hạ tầng vật lý - số*: Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, 100% sở, ngành, địa phương có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, kết nối ổn định. Hệ thống mạng CAMPUS Trung tâm hành chính tỉnh đang hoạt động có 66 máy chủ vật lý và 257 máy chủ ảo hoạt động ổn định, liên tục, an toàn, phục vụ công tác lãnh chỉ đạo, điều hành của tất cả các cơ quan, đơn vị.

Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh được đầu tư mở rộng, thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã⁽⁴⁾ phục vụ các cuộc họp trực tuyến giữa trung ương và địa phương; Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh hoàn thành việc nâng cấp và vận hành ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

⁽¹⁾ 100% khu dân cư thuộc các phường trên địa bàn tỉnh được phủ sóng mạng băng rộng di động (3G/4G/5G); mạng băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đã phủ đến 100% trung tâm các xã, phường, đặc khu. Tất cả cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng. Đã bố gọn hơn 256,9 km cáp treo và ngầm hóa hơn 150 km tại các tuyến đường trung tâm.

⁽²⁾ Toàn tỉnh hiện có 12.004 trạm thu phát sóng di động (BTS), trong đó đã triển khai 286 trạm 5G, có 555 trạm BTS kiên cố chịu được thiên tai cấp độ 4 theo quy định. Hiện nay hệ thống 5G đã triển khai phủ sóng các khu vực trung tâm xã, phường, đặc khu và khu vực đông dân cư.

⁽³⁾ 1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); 2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; 3) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước (IOC); 4) Nền tảng họp trực tuyến; 5) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước (SOC); 6) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Lâm Đồng (LRIS); 7) Nền tảng MOOCS.

⁽⁴⁾ Gồm 260 điểm cầu: 03 điểm cầu tại Tỉnh ủy, 04 điểm cầu tại Ủy ban nhân dân tỉnh, 05 điểm cầu tại Trung tâm Hành chính tỉnh, 248 điểm cầu tại UBND cấp xã (gồm UBND, Đảng ủy).

- *Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số*: Hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và chuyên ngành tiếp tục được xây dựng, phát triển hoàn thiện và đưa vào khai thác, sử dụng đem lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số⁽⁵⁾; Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu được triển khai đồng bộ.

- *Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm*: Triển khai 04 dự án⁽⁶⁾ trọng điểm với tổng vốn 125,5 tỷ đồng; 03 dự án đã đưa vào sử dụng, 01 dự án đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư.

- *Khu công nghệ cao*: UBND tỉnh đã trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định Đề án thành lập Khu công nghệ cao Bình Thuận, dự kiến thu hút đầu tư phát triển phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Chính quyền số

- Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành triển khai thống nhất cho toàn tỉnh Lâm Đồng đã liên thông nội tỉnh, liên thông với trực văn bản quốc gia qua nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); đã khai báo hoàn thành cho 169 đơn vị cấp tỉnh, xã với gần 30.000 tài khoản người dùng. Số lượng văn bản gửi, nhận trung bình hơn 8.500 văn bản/ngày. Tất cả các sở, ngành và các xã, phường, đặc khu, thực hiện tiếp nhận, luân chuyển, xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường điện tử.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Lâm Đồng (Trung tâm IOC): Trung tâm IOC được xây dựng trên nền tảng tích hợp hạ tầng thông tin số, kết nối và xử lý dữ liệu từ nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Trung tâm không chỉ là

⁽⁵⁾ Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống LRIS tỉnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; phần mềm “Chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu nông thôn tỉnh”; ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh; ứng dụng CNTT trên thiết bị di động phục vụ tuần tra, quản lý, xác minh, giám sát, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; số hóa quy trình xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát, khai thác tài nguyên khoáng sản; phần mềm quản lý hoạt động cấp phép, giám sát khai thác tài nguyên nước; sử dụng Phần mềm Quản lý dữ liệu quan trắc tự động (Envisoft); Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế; Hệ thống thông tin kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc; Phần mềm kê đơn thuốc điện tử; Hệ thống thông tin quản lý khám bệnh, chữa bệnh; triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục (VN-edu) đã triển khai sử dụng cho 746 trường, đạt 100% các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh;...

⁽⁶⁾ Dự án 1: “Nâng cao năng lực cho Trung tâm Thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông”, tổng vốn đầu tư 34 tỷ đồng, đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 64/QĐ-STC ngày 03/6/2021; Dự án 2: “Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ Đắk Nông”, tổng vốn đầu tư 12 tỷ đồng, đã hoàn thành và được phê duyệt tại Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Dự án 3: “Đầu tư xây dựng công trình nâng cao năng lực Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Tiên bộ khoa học công nghệ Bình Thuận”, tổng vốn đầu tư 29,512 tỷ đồng và đưa vào sử dụng từ tháng 7/2023; Dự án 4: “Nâng cấp, cải tạo và mua sắm bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ” (Lâm Đồng cũ), tổng kinh phí dự kiến: 50 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2027.

nơi giám sát, theo dõi mà còn là **“bộ não số”** hỗ trợ lãnh đạo tỉnh ra quyết định nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.

Đề tạo nền tảng cho Trung tâm IOC trong việc thu thập và phân tích dữ liệu đa chiều phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; đồng thời giúp Trung tâm IOC vận hành hiệu quả, bám sát các ưu tiên quản lý điều hành của địa phương và Trung ương, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 17/10/2025, áp dụng cho các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước gồm 05 nhóm và 03 phân hệ ⁽⁷⁾. Đồng thời, tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Lâm Đồng (viết tắt là Hệ thống LRIS) tại địa chỉ <https://baocao.lamdong.gov.vn>. Hệ thống LRIS được xây dựng theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/02/2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước, là hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo từ các sở, ban, ngành, địa phương (đến cấp xã); các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng tại địa phương để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh Lâm Đồng mới, đã kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư, thanh toán trực tuyến, dịch vụ công liên thông... triển khai đảm bảo không bị gián đoạn việc giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp. Rà soát, tái cấu trúc quy trình và cung cấp 2.324 thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong đó có 1.050 thủ tục mức độ toàn trình (899 cấp tỉnh, 151 cấp xã) và 1.274 thủ tục mức độ một phần (1.004 cấp tỉnh, 270 cấp xã). Kết quả thực hiện 11 dịch vụ công thiết yếu: tiếp nhận, giải quyết 4.659.379 hồ sơ trực tuyến/4.833.283 tổng hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 96,4%. Toàn tỉnh phát sinh 18.823 hồ sơ 02 dịch vụ công liên thông, đã trả kết quả 15.159 hồ sơ, đạt tỷ lệ 80,53%. Tính đến nay, đã phát sinh 58.853 hồ sơ dịch vụ công liên thông, đã trả kết quả 40.205 hồ sơ, đạt tỷ lệ 68,3%.

- Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước, từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đã triển khai hướng dẫn và thực hiện cấp mới, thu

⁽⁷⁾ - 05 nhóm Bộ chỉ số bao gồm: (1) Nhóm chỉ số theo dõi kinh tế - xã hội; (2) Nhóm chỉ số theo dõi, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao hàng tháng, quý, năm; (3) Nhóm chỉ số theo dõi, giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu, đề án trọng điểm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2023 - 2025; (4) Nhóm chỉ số theo dõi, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh hằng năm và 05 năm; (5) Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành khác.

- 03 Phân hệ trên IOC gồm: (1) Dữ liệu trên nền tảng bản đồ số; (2) Dữ liệu bảng điều hành chi tiết và dashboard; (3) Dữ liệu tích hợp trên ứng dụng di động “Công Dân Số Lâm Đồng”.

hội, gia hạn, thay đổi thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các sở, ban, ngành và 124 phường/xã/đặc khu. Kết quả tính đến ngày 05/12/2025, trên địa bàn tỉnh có 11.453 chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó: cấp tỉnh có 4.879 chứng thư chữ ký số (bao gồm 718 chứng thư số của tổ chức, 4.161 chứng thư số cá nhân, cụ thể: 3.206 token, 402 SIM PKI và 553 tài khoản ký số tập trung); cấp xã 6.574 chứng thư chữ ký số ở cấp xã (bao gồm 1.415 chứng thư số của tổ chức, 5.159 chứng thư số cá nhân, cụ thể: 4.924 token, 235 SIM PKI).

- Duy trì hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho người dân, doanh nghiệp. 100% trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương được triển khai hoạt động trên nền tảng IPv6, có chứng nhận tín nhiệm mạng do Cục An toàn thông tin cung cấp.

3. Kinh tế số

- Số lượng doanh nghiệp hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyển đổi tiếp tục được phát triển; số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng phát triển theo xu thế chung của cả nước.

- Các dịch vụ thanh toán trực tuyến trên thiết bị di động, ngân hàng số tiếp tục được phát triển và chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao; các doanh nghiệp Viettel, VNPT và Mobifone tăng cường triển khai dịch vụ Mobile Money cho phép khách hàng dùng tài khoản viễn thông để thực hiện nhiều giao dịch, dịch vụ góp phần thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

- Hoạt động thương mại điện tử từng bước phát triển; hoàn thành xây dựng, nâng cấp và đưa vào sử dụng Sàn thương mại điện tử Lâm Đồng, Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu và đặc trưng thế mạnh tỉnh Lâm Đồng⁽⁸⁾; các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh tham gia giao dịch tại các sàn thương mại điện tử lớn như: Shopee, Lazada, Sendo, Tiki...

4. Xã hội số

Triển khai phát triển dữ liệu công dân số được đẩy mạnh, đến nay đạt được một số kết quả quan trọng, tạo tiền đề phát triển xã hội số, cụ thể:

⁽⁸⁾ Có 82 doanh nghiệp đăng ký tham gia với hơn 226 sản phẩm các loại, 147 sản phẩm của các cơ sở được tạo QR Code để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Đến nay, toàn tỉnh đã thu nhận 3.861.824 lượt hồ sơ cấp căn cước, căn cước công dân (trong đó, có 543.966 hồ sơ cấp căn cước); 2.775.718 tài khoản định danh điện tử, kích hoạt 2.202.278 tài khoản, đạt tỷ lệ 79,34%; đã có 15.860/24.555 cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh đăng ký cấp định danh điện tử, đạt tỷ lệ 64,6%.

- Tiếp tục duy trì việc sử dụng thẻ Căn cước công dân (*sau đây viết tắt là CCCD*) thay BHYT trong khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Đến nay, tổng số lượt tra cứu bằng CCCD khi đi khám chữa bệnh BHYT là **9.463.076** lượt; trong đó, **8.326.078** lượt tra cứu thành công, đạt tỷ lệ **87,9%**. 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy báo tử (*tỷ lệ liên thông đạt 100%*).

- Triển khai thông báo lưu trú tại các cơ sở khám chữa bệnh qua ứng dụng VNeID cho 385/385 cơ sở, cấp tài khoản ASM cho 189 cơ sở, hướng dẫn bệnh nhân khai báo lưu trú với 65.083 lượt; cấp 7.442 tài khoản cho cơ sở kinh doanh lưu trú để thực hiện thông báo lưu trú qua phần mềm ASM với 5.828.096 lượt.

- Tiếp tục triển khai các tiện ích trên ứng dụng VNeID, nổi bật: Từ ngày 01/3/2025 đến nay, Công an tỉnh trực tiếp tiếp nhận 17.523 hồ sơ cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID trên tổng số 18.498 hồ sơ tiếp nhận từ các nguồn, đạt tỷ lệ 94,7%.

- Phối hợp làm sạch dữ liệu thông tin tàu cá, chủ sở hữu, thuyền viên phục vụ công tác định danh tàu thuyền, tính đến ngày 10/10/2025, đã hoàn thành làm sạch thông tin 5.360/8.276 tàu cá, đạt tỷ lệ 64,8%; cập nhật, xác thực giữa CSDL quốc gia về bảo hiểm và CSDL quốc gia về dân cư 2.847.744 trường hợp, đạt tỷ lệ 99,12%; cập nhật thông tin 1.200.579 người lao động, cập nhật 84.605 tờ khai với thông tin 96.799 phương tiện lên hệ thống CSDL quốc gia về dân cư phục vụ tích hợp lên ứng dụng VneID; làm sạch dữ liệu 18.053 đối tượng người có công; 47.414 đối tượng hưởng an sinh xã hội trên hệ thống CSDL quốc gia về dân cư; nhập thông tin 56.920 hội viên hội người cao tuổi, 72.142 hội viên hội nông dân, 48.253 hội viên hội cựu chiến binh, 251 hội viên hội chữ thập đỏ.

- Việc thanh toán không dùng tiền mặt: 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt **45,6%** trên tổng số chi phí và đạt **39,6%** trên tổng lượt thanh toán viện phí.

- Đến nay, đã thực hiện chi trả an sinh xã hội theo hình thức không sử dụng tiền mặt cho người hưởng chế độ với tổng số tiền là 264,2 tỷ đồng, giúp người dân không mất thời gian đến các điểm giao dịch hoặc trụ sở UBND cấp xã để

được nhận chế độ, giảm thời gian đi lại và giảm thời gian thực hiện chi trả của công chức trên địa bàn, đồng thời đảm bảo công khai, minh bạch và chống các vấn nạn tiêu cực trong công tác chi trả.

- Công tác thực hiện chi trả người hưởng nhận các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt nhiều kết quả, tỷ lệ người nhận tiền qua tài khoản khu vực đô thị đạt 84,65%, cụ thể: Chi lương hưu, BHXH hàng tháng đạt 74,82%; chi trợ cấp một lần đạt 97,56%; chi trợ cấp BHTN đạt 100%.

- Tổng số thuê bao di động toàn tỉnh đạt hơn 4 triệu thuê bao, trong đó có hơn 3.5 triệu thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (đạt tỷ lệ 87,7%). Số thuê bao kết nối Internet hơn 3.6 triệu thuê bao (đạt tỷ lệ 80,83%). Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 99%. Toàn tỉnh hiện có 12.004 trạm thu phát sóng di động (BTS), trong đó đã triển khai 286 trạm 5G, có 555 trạm BTS kiên cố chịu được thiên tai cấp độ 4 theo quy định.

5. Công tác quản lý, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản nhằm triển khai có hiệu quả các phương án ứng phó kịp thời khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin quan trọng trong các cơ quan, đơn vị, địa phương⁽⁹⁾; triển khai kịp thời công tác đảm bảo an toàn thông tin theo hướng dẫn của Bộ Công an; duy trì vận hành giám sát an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) tỉnh Lâm Đồng, phục vụ công tác giám sát, cảnh báo, xử lý kịp thời các nguy cơ tấn công mạng, đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình sáp nhập tỉnh và xây dựng mô hình chính quyền hai cấp.

Phần mềm, thiết bị bảo mật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh thường xuyên mua sắm, nâng cấp, bổ sung để đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo quy định; theo dõi, rà soát, ngăn chặn nguy cơ tấn công, cảnh báo lỗ hổng bảo mật, sao lưu dữ liệu các ứng dụng dùng chung. Triển khai phê duyệt an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024.

⁽⁹⁾ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 16/01/2023 về ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1257/UBND-KGVXNV ngày 09/4/2024 triển khai Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Công văn số 1385/UBND-KGVXNV ngày 17/4/2024; triển khai Công điện số 33/CD-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng; Công văn số 3575/UBND-KGVXNV ngày 25/9/2024 chỉ đạo triển khai đánh giá an toàn thông tin mạng và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

Công tác giám sát an toàn thông tin, Đội ứng cứu sự cố máy tính tỉnh đã chủ động phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ của Công an tỉnh kịp thời thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; tham gia diễn tập theo mạng lưới ứng cứu sự cố máy tính quốc gia do Cục An toàn thông tin (Bộ Khoa học và Công nghệ) tổ chức và điều phối nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và gắn kết hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố máy tính quốc gia.

6. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các nội dung thuộc Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao năng lực, vai trò thực hiện công tác chuyển đổi số đặc biệt là tại cấp xã.

Hằng năm, tỉnh thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số phù hợp cho các đối tượng, đặt biệt là cán bộ, lãnh đạo quản lý, cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm CNTT, chuyển đổi số, CBCCVC thuộc các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh. Trong các năm gần đây, hoạt động bồi dưỡng, tập huấn đang được tỉnh từng bước thay đổi để phù hợp với tình hình mới, chuyển từ các khóa bồi dưỡng tập trung thành các khóa bồi dưỡng online theo các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và công nghệ) theo Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Để đảm bảo các hệ thống thông tin vận hành liên tục, không gián đoạn khi triển khai mô hình chính quyền hai cấp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ cùng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức 19 lớp tập huấn vận hành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và hệ thống văn bản quản lý điều hành trên địa bàn toàn tỉnh thông qua hình thức tuyến và trực tiếp tại các khu vực Lâm Đồng (cũ), Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ) với hơn 11.000 học viên tham gia đến từ các sở/ngành, UBND các phường/xã/đặc khu. Bên cạnh đó các đơn vị đã chủ động triển khai các nội dung tập huấn AI cho cán bộ, đảng viên số lượng 6 lớp với gần 4.100 người, triển khai thông qua nhiều hình thức trực tuyến và trực tiếp.

Ngành Giáo dục đã đưa chương trình đào tạo kỹ năng tin học cho học sinh, sinh viên vào chương trình chính đào tạo từ cấp tiểu học nhằm tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số; 100% các trường học từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông đều

có các phòng máy dành riêng cho việc đào tạo tin học; 7/7 trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh có đào tạo chuyên ngành CNTT, chuyển đổi số với khoảng hơn 1.000 sinh viên.

Khắc phục khó khăn thiếu nhân sự có trình độ phù hợp, đặc biệt nhân lực công nghệ thông tin cấp xã, UBND tỉnh đã biệt phái công chức có chuyên môn công nghệ thông tin từ các sở, ban, ngành cấp tỉnh về hỗ trợ các xã, phường, đặc khu (theo Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh) trong 3 tháng. Hiện nay, các xã, phường, đặc khu đã có cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số với số lượng hơn 200 cán bộ, công chức. Các Sở, ngành cũng đã bố trí đầy đủ cán bộ phụ trách nhiệm vụ Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, ngành với số lượng gần 50 nhân sự.

Tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của về việc kiện toàn và đổi tên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Lâm Đồng, trong đó giao nhiệm vụ cho 174 thành viên là đại diện các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các doanh nghiệp viễn thông, internet, các trường đại học, cùng cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh. Đây là lực lượng nòng cốt để xử lý và ứng cứu tại chỗ khi có sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

7. Các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất công nghiệp đã chủ động, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành và sản xuất thông minh; sử dụng phù hợp các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra các sản phẩm ngày càng chất lượng.

Tuy nhiên, CSDL về các khu, cụm công nghiệp, về tiềm năng phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp năng lượng, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông minh chưa được triển khai xây dựng.

- Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường:

Triển khai, sử dụng các phần mềm, nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn của ngành theo chỉ đạo, triển khai của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ⁽¹⁰⁾.

⁽¹⁰⁾ Hệ thống thông tin thống kê nông nghiệp và phát triển nông thôn; Phần mềm dự tính dự báo sinh vật gây hại; Cơ sở dữ liệu trồng trọt để thực hiện cấp mã số vùng trồng trực tuyến, cấp và quản lý mã số vùng trồng; Phần mềm hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói xuất khẩu; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu VAHIS (Báo cáo dịch bệnh động vật); Phần mềm Hệ thống VNFISHBASE; Hệ thống Giám sát tàu cá; Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản và Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giống, thức ăn, sản phẩm xử lý môi

Triển khai phần mềm “Chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu nông thôn tỉnh”; ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh; ứng dụng CNTT trên thiết bị di động phục vụ tuần tra, quản lý, xác minh, giám sát, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; số hóa quy trình xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: Mô hình sử dụng thiết bị bay không người lái phun thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp; Mô hình trồng rau màu trong nhà lưới an toàn vệ sinh thực phẩm; Trồng rau trong nhà lưới theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Các mô hình này bước đầu làm nền tảng giúp nông dân dần ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao nhận thức của người dân theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên bộ kỹ thuật mới vào sản xuất tại địa phương.

Thực hiện Dự án đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu: Hoàn thành số hóa dữ liệu đất đai tại 67/124 xã, phường, đặc khu¹¹. Từng bước xây dựng, phát triển CSDL về đất đai, CSDL về tài nguyên khoáng sản, CSDL về tài nguyên nước, phát triển bản đồ số toàn ngành tài nguyên và môi trường; triển khai xây dựng, nâng cấp một số hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước như: nâng cấp Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát, khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng; xây dựng phần mềm Quản lý hoạt động cấp phép, giám sát khai thác tài nguyên nước; Sử dụng hiệu quả Phần mềm Quản lý dữ liệu quan trắc tự động (Envisoft) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tuy nhiên, các CSDL nguồn nước, biển và hải đảo, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, bản đồ số hóa toàn ngành nông nghiệp và môi trường chưa được xây dựng, phát triển hoàn thành để khai thác, sử dụng hiệu quả.

- Lĩnh vực du lịch:

Xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng trang thông tin du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh tại như tên miền “<https://dalat.vn>”, “visitlamdong.vn”, “dulich.daknong.gov.vn”... và ứng dụng di động trên nền tảng Android và iOS; tích hợp các CSDL ngành du lịch và bản đồ số về du lịch Lâm Đồng, tạo thuận lợi, hỗ trợ du khách chủ động trong việc lên lịch trình, tìm kiếm những địa điểm

trường thuộc cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủy sản; Phần mềm cập nhật dữ liệu Quan trắc cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản; Phần mềm cập nhật diễn biến rừng FRMS phiên bản nâng cấp 4.0.

¹¹ Lâm Đồng (cũ) là 22/51 xã, phường; Bình Thuận (cũ) là 45/45 xã, phường, đặc khu; Đắk Nông là 0/28 xã, phường

lưu trú, ẩm thực, góp phần chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả trong hoạt động thông tin, xúc tiến quảng bá du lịch địa phương; phát triển các ứng dụng dựa trên công nghệ thực tế ảo (VR360), sử dụng QR Code để giới thiệu các điểm tham quan đặc trưng của tỉnh; số hóa Khu di tích Căn cứ Tỉnh ủy Lâm Đồng trong kháng chiến chống Mỹ; Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Lâm Đồng, Dinh Thầy Thím, Thắng cảnh Bàu Trắng,... để đưa vào phục vụ nhân dân và du khách.

- Lĩnh vực thương mại:

Xây dựng, nâng cấp và đưa vào sử dụng Sàn thương mại điện tử Lâm Đồng (hiện có 82 doanh nghiệp đăng ký tham gia với hơn 226 sản phẩm các loại), hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu và đặc trưng thế mạnh tỉnh Lâm Đồng (có 100% các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực và khoảng 50% sản phẩm nông sản của tỉnh được hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử) phục vụ cơ bản cho hoạt động thương mại điện tử của địa phương.

Thực hiện đưa thông tin quảng bá sản phẩm của 541 doanh nghiệp sản xuất, chế biến các sản phẩm nông lâm thủy sản, các sản phẩm OCOP tiêu biểu của tỉnh. Tiếp tục duy trì hoạt động thu thập thông tin về giá cả thị trường tiêu thụ hàng tuần đối với các sản phẩm nông sản chính trên địa bàn tỉnh và các thị trường các tỉnh (TP. Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk) và cập nhật thường xuyên trên các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Lĩnh vực tài chính - ngân hàng:

Phát triển hoàn thiện kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử với hạ tầng của các cơ quan thuế, hải quan, kho bạc và các đơn vị cung ứng dịch vụ công trên địa bàn tỉnh để phục vụ yêu cầu phối hợp thu, chi bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; giải pháp phục vụ triển khai thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh triển khai, từng bước đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số; mạng lưới chấp nhận thanh toán (POS/QR Code) phủ đến hầu hết các điểm kinh doanh, nhà hàng, khách sạn, cửa hàng tiện ích và đang mở rộng dần ra các cơ sở y tế, bệnh viện, trường học; hình thức thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phát triển.

- Lĩnh vực y tế:

Triển khai, sử dụng các phần mềm, nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn của ngành theo chỉ đạo, triển khai của Bộ Y tế⁽¹²⁾; Hệ thống thông tin quản

⁽¹²⁾ Các phần mềm báo cáo chuyên ngành trong lĩnh vực y tế dự phòng, khám, chữa bệnh: hệ thống thông tin tiêm chủng mở rộng; hệ thống thông tin phòng, chống bệnh bệnh lây nhiễm; hệ thống thông tin phòng, chống bệnh

lý Trạm Y tế; Hệ thống thông tin kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc; Phần mềm kê đơn thuốc điện tử; Hệ thống thông tin quản lý khám bệnh, chữa bệnh (VNPT-HIS); tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đã được khởi tạo đạt 92 % tổng dân số. CSDL ngành y tế từng bước được hình thành chủ yếu từ các hệ thống thông tin, nền tảng số đang sử dụng; bước đầu cung cấp dữ liệu cơ bản cho phân hệ điều hành y tế trong Trung tâm IOC Lâm Đồng. Thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế được quan tâm triển khai⁽¹³⁾.

Triển khai Bệnh án điện tử (EMR) thay thế hoàn toàn bệnh án giấy tại 100% cơ sở khám chữa bệnh hạng tuyến tỉnh/chuyên khoa/khu vực; Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị; xây dựng nền tảng kết nối kho dữ liệu Y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện Đề án 06 (Sổ Sức khỏe điện tử của người dân; liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe...); sử dụng VNeID thay thế thẻ BHYT giấy trong khám chữa bệnh; Xây dựng bản đồ dịch tễ điện tử thời gian thực (Real-time GIS) để giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

Triển khai, sử dụng các phần mềm, nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn của ngành theo chỉ đạo, triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁽¹⁴⁾; triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục (VN-edu) đã triển khai sử dụng cho 746 trường, đạt 100% các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh; CSDL ngành từng bước được hình thành chủ yếu từ các hệ thống thông tin, nền tảng số đang sử dụng; bước đầu cung cấp dữ liệu cơ bản cho Phân hệ điều hành giáo dục trong Trung tâm IOC Lâm Đồng; sử dụng nền tảng số phổ biến phục vụ giảng dạy và học tập.

100% trường học đã triển khai thu học phí theo hình thức không dùng tiền mặt. Tỷ lệ thanh toán học phí không dùng tiền mặt năm học 2024 - 2025 đạt 83,4% tại các trường mầm non; 76,52% tại các trường tiểu học; 94,2% tại các trường trung học cơ sở; 81,25% tại các trường trung học phổ thông.

- Lĩnh vực hành chính công:

không lây nhiễm; hệ thống thông tin điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone, hệ thống thông tin quản lý người nhiễm HIV INFO 4.0; hệ thống thông tin quản lý chất thải y tế; hệ thống phần mềm báo cáo tai nạn thương tích; hệ thống phần mềm phòng chống dịch bệnh; hệ thống phần mềm Quản lý báo cáo sử dụng kháng sinh và các hệ thống phần mềm khác.

⁽¹³⁾ Việc thanh toán không dùng tiền mặt: 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt 45,6% trên tổng số chi phí và đạt 39,6% trên tổng lượt thanh toán viện phí.

⁽¹⁴⁾ Phần mềm khai thác CSDL ngành của Bộ GDĐT; phần mềm TEMIS để đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm; phần mềm Tập huấn để bồi dưỡng thường xuyên giáo viên hàng năm.

Trụ sở làm việc, hạ tầng thiết bị, nền tảng số đã được nâng cấp, đầu tư, triển khai thống nhất, đồng bộ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh triển khai đồng bộ cả 02 cấp xã, cấp tỉnh; CSDL về TTHC của tỉnh được phát triển hoàn thiện và đồng bộ với CSDL quốc gia về TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu, khai thác. CSDL về giải quyết hồ sơ TTHC, kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân được hình thành, phát triển cung cấp dữ liệu cơ bản cho phân hệ điều hành lĩnh vực hành chính công trong Trung tâm IOC Lâm Đồng. Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công có sự chuyển biến tích cực⁽¹⁵⁾.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

(1). Có sự thay đổi tích cực về nhận thức của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số. Công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được chú trọng thực hiện với nhiều hình thức đa dạng.

(2). Các cấp ủy, tổ chức đảng và các sở, ngành, địa phương có nhiều nỗ lực, cố gắng triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” đạt kết quả tích cực.

(3). Một số cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh đã được ban hành, tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

(4). Hạ tầng thiết bị, hạ tầng kết nối, hạ tầng ứng dụng và hạ tầng dữ liệu số từng bước được đầu tư. Công tác chuyển đổi số của một số ngành, lĩnh vực, địa phương được chú trọng hơn trước. Các hệ thống thông tin, nền tảng số, CSDL tiếp tục được phát triển; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tiếp tục được phát triển, mở rộng các kết nối với các CSDL, hệ thống thông tin của các bộ, ngành trung ương đã phát huy hiệu quả sử dụng; dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải

⁽¹⁵⁾ Theo số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tính đến ngày 24/11/2025: Lâm Đồng xếp thứ 9/34 tỉnh, thành về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.

quyết TTHC, dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân được phát triển mạnh trong thời gian gần đây. Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công có sự chuyển biến tích cực.

(5). Thương mại điện tử từng bước được hình thành và phát triển; thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai trong nhiều lĩnh vực, với nhiều hình thức đa dạng; dữ liệu công dân số được quan tâm phát triển.

(6). Công tác an toàn, an ninh thông tin mạng được tăng cường, từng bước đáp ứng yêu cầu.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

(1). Việc đầu tư hạ tầng thiết bị, hạ tầng kết nối, hạ tầng ứng dụng và hạ tầng dữ liệu số chưa đồng đều. Các CSDL chuyên ngành thuộc các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số chậm được triển khai, chưa hoàn thành để đưa vào sử dụng; cơ sở dữ liệu để phục vụ người dân thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, dân cư chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả.

(2). Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu tham mưu, triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay.

(3). Do địa bàn tỉnh rộng, địa hình rừng, đồi núi phức tạp, chia cách nên vẫn còn tình trạng lõm sóng, không có sóng viễn thông ở một số khu vực trên địa bàn tỉnh.

3. Bài học kinh nghiệm

Quá trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh trong thời gian qua đã khẳng định quyết tâm chính trị, sự tích cực, chủ động, mạnh dạn tìm hướng đi cho những việc làm mới, khó của lãnh đạo, cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở. Qua đó, đã rút kết một số bài học kinh nghiệm sau:

(1). Quyết tâm chính trị, ý thức, trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số là yếu tố quan trọng.

(2). Phải xác định nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện phù hợp để đạt kết quả thực chất, thiết thực tạo sự chuyển biến rõ nét về chuyển đổi số.

(3). Hạ tầng số phải đi trước và được đảm bảo, đặc biệt là hạ tầng thiết yếu đảm bảo cho triển khai các nền tảng số. Trong đó, hạ tầng dữ liệu số có vai trò

quan trọng, cốt lõi để phát triển các nền tảng số, hệ thống thông tin.

(4). Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, lấy đoàn viên thanh niên làm nòng cốt để tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị nhà nước, doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân thông qua chuyển đổi số. Phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng nằm trong top đầu tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

II. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài; cần phải có lộ trình, bước đi phù hợp, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, phải tận dụng tối đa cơ hội, điều kiện thuận lợi để đi nhanh, đi trước, không để bị tụt hậu. xác định lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, nhất là trong một số ngành, lĩnh vực thế mạnh của tỉnh là cơ hội để phát triển và đi trước trong thu hút các nguồn lực.

2. Chuyển đổi số gắn với phát triển đô thị thông minh, cải cách hành chính; đặt người dân, doanh nghiệp vào vị trí trung tâm, hướng tới xây dựng chính quyền kiến tạo phục vụ, mang lại tiện ích, hiệu quả cao nhất cho người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo của các cấp ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh và công bằng xã hội. Ưu tiên chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính, nhất là cải cách hành chính trong các ngành, lĩnh vực có tác động hàng ngày tới người dân, doanh nghiệp nhằm thay đổi nhận thức nhanh, sớm mang lại hiệu quả và tiết kiệm.

3. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả; ứng dụng nền tảng số hướng đến nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và sự phát triển của doanh nghiệp. Dữ liệu số là tài sản quan trọng, cần được duy trì, phát triển liên tục và ngày càng hoàn thiện; bảo đảm được chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước, minh bạch thông tin, giảm đến mức tối thiểu việc yêu cầu người dân và doanh nghiệp phải cung cấp thông tin. An toàn, an ninh mạng là thành phần xuyên suốt, không thể tách rời và bảo đảm để chuyển đổi số phát triển bền vững.

4. Quá trình chuyển đổi số của tỉnh phải toàn diện, đồng bộ với quá trình chuyển đổi số quốc gia; xác định rõ các công việc cần ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của tỉnh, gắn liền với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và giữ vững quốc phòng - an ninh.

5. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

6. Đảm bảo nguồn lực để tổ chức thực hiện, tranh thủ tối đa các nguồn lực xã hội để thực hiện chuyển đổi số; chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy chuyên trách về chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

7. An toàn thông tin mạng, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết, gắn kết, song hành với hoạt động chuyển đổi số trong toàn bộ quá trình thiết kế, thử nghiệm, đánh giá, vận hành, khai thác.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển chính quyền số đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị Nhà nước.

- Phát triển kinh tế số với trọng tâm là doanh nghiệp, ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Phát triển xã hội số nâng cao chất lượng sống của người dân đi đôi với tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số, tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa thế giới, làm giàu đời sống tinh thần của người Việt Nam nói chung và của người Lâm Đồng nói riêng.

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, toàn diện và phù hợp với xu thế phát triển công nghệ số hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, có dung lượng truyền dẫn cao tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm của tỉnh và các đô thị đông dân cư, trung tâm thương mại, cụm công nghiệp/khu công nghiệp hướng đến mục tiêu kết nối vạn vật (IoT - Internet of Things) tạo nền tảng, điều kiện thuận lợi để phát triển các khu du lịch, khu đô thị,... hiện đại thông minh theo xu thế phát triển chung của quốc gia và toàn cầu.

- Phát triển hạ tầng dữ liệu số đáp ứng yêu cầu của chính quyền số. Trọng tâm, hầu hết các hoạt động của chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số; dựa vào dữ liệu để ra quyết định chỉ đạo, điều hành; hình thành, phát triển Trung tâm IOC trong từng ngành, lĩnh vực. Phát triển hoàn thiện dữ liệu số của tất cả các ngành/lĩnh vực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh. Tập trung nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các dữ liệu số có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; mọi dữ liệu phải đảm bảo yêu cầu kết nối, tích hợp với các CSDL quốc gia và an toàn, an ninh thông tin. Hoàn thành dự án Cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng để phát triển kho dữ liệu dùng chung của tỉnh trên cơ sở sử dụng, tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh là nguồn dữ liệu chính để cung cấp cho Trung tâm IOC; hỗ trợ ra quyết định dựa vào dữ liệu; từ kho dữ liệu dùng chung của tỉnh xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh để cung cấp dữ liệu cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Phát triển các nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn đối với tất cả các ngành, lĩnh vực (ưu tiên phát triển các nền tảng dùng chung, các nền tảng phục vụ hoạt động của các ngành: nông nghiệp và môi trường, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo,...); hoạt động các nền tảng số phải dựa trên nguồn dữ liệu số chuyên ngành, kho dữ liệu tập trung của tỉnh là cốt lõi; chức năng các nền tảng số phải theo định hướng kết nối, đồng bộ các nguồn dữ liệu khác nhau. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hiệu quả các lĩnh vực công nghệ số quan trọng (AI- trí tuệ nhân tạo, IoT - internet vạn vật, Bigdata - dữ liệu lớn, Cloud Computing - điện toán đám mây, Blockchain - chuỗi khối) vào các nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh; phát triển các nền tảng số thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích, đánh giá, dự báo theo các yêu cầu đa dạng trong công tác quản lý, điều hành; phát triển các nền tảng số phục vụ công dân số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 GB/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Bỏ trí $\geq 1,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,75$ trở lên.
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.
- Có $\geq 85\%$ dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với nền tảng LGSP.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.
- Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

IV. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức

- Người đứng các cơ quan, tổ chức và địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt

chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý Nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ tỉnh đến xã, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức các khóa chuyên sâu và nâng cao về phương thức, công nghệ của chuyển đổi số; phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách CNTT của cơ quan nhà nước; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của tỉnh.

2. Hoàn thiện thể chế

Xây dựng cơ chế chính sách theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định về tính pháp lý của dữ liệu số; quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định danh mục các dữ liệu cơ quan Nhà nước phải số hóa theo lộ trình đồng thời chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện các quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của CSDL tỉnh Lâm Đồng; quy định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức; quy định về đảm bảo an toàn thông tin mạng của tỉnh trên nền tảng chính sách chung của quốc gia; quy định về quản trị, giám sát và vận hành cho hệ thống thông tin chính quyền số.

- Thúc đẩy các chính sách ưu tiên doanh nghiệp địa phương thực hiện chuyển đổi số để đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số, huy động

nguồn lực doanh nghiệp đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông, góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển hạ tầng số

3.1. Hạ tầng viễn thông và internet

- Phát triển hạ tầng băng thông rộng cố định chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 5G trên địa bàn tỉnh (ưu tiên phát triển mạng di động 5G tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm của tỉnh và các đô thị đông dân cư, trung tâm thương mại, cụm công nghiệp/khu công nghiệp); đảm bảo phủ sóng 5G tại 100% thôn, bản và tổ dân phố trên địa bàn tỉnh vào năm 2030.

- Đầu tư vào hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao, đảm bảo kết nối đến tất cả cơ quan nhà nước, khu công nghiệp và các đơn vị kinh tế quan trọng trong tỉnh; nâng cấp hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II để đảm bảo an toàn và đồng bộ trên toàn tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển “mỗi người dân một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang” nhằm tăng cường tiếp cận công nghệ cho toàn dân.

3.2. Hạ tầng dữ liệu

- Hoàn thành dự án Cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng để phát triển kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và cổng dữ liệu mở của tỉnh; phát triển hoàn thiện dữ liệu số của các ngành/lĩnh vực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh. Ưu tiên phát triển dữ liệu cho các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp và môi trường, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, ...

- Phát triển Kho dữ liệu dùng chung và cổng dữ liệu mở trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới; đảm bảo yêu cầu có thể kết nối, đồng bộ dữ liệu của tất cả các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh; thực hiện tái cấu trúc các dữ liệu từ các hệ thống thông tin đang vận hành khai thác của tỉnh, đảm bảo cung cấp, chia sẻ với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh trên nguyên tắc dữ liệu phải đảm bảo được nhu cầu sử dụng, có thể được khai thác từ các hệ thống bên ngoài. Trong đó:

+ Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành) sẽ là nguồn cung cấp dữ liệu chính cho hoạt động chỉ đạo, điều hành thông qua Trung tâm IOC.

+ Công dữ liệu mở, cung cấp dữ liệu công khai, minh bạch cho người dân, doanh nghiệp, tích hợp dữ liệu trực tiếp từ Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị chủ quản dữ liệu tích hợp dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia như: cơ sở dữ liệu dân cư, bảo hiểm xã hội...; đồng thời tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các bộ ngành khác.

3.3. Hạ tầng vật lý - số

- Tiếp tục phát triển Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo năng lực triển khai các hoạt động trọng tâm về chuyển đổi số gắn với an toàn, an ninh thông tin theo quy định (triển khai sử dụng hiệu quả nền tảng điện toán đám mây, đảm bảo năng lực lưu trữ; xác định lộ trình phát triển phù hợp).

- Thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số (đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, thông suốt); duy trì, đầu tư thiết bị số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu sử dụng chung, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai Bệnh án điện tử (EMR) thay thế hoàn toàn bệnh án giấy tại 100% cơ sở khám chữa bệnh hạng tuyến tỉnh/chuyên khoa/khu vực; Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị; xây dựng nền tảng kết nối kho dữ liệu Y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện Đề án 06 (Sổ Sức khỏe điện tử của người dân; liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe...); sử dụng VNeID thay thế thẻ BHYT giấy trong khám chữa bệnh; Xây dựng bản đồ dịch tễ điện tử thời gian thực (Real-time GIS) để giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

3.4. Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số

- Xây dựng, nâng cấp các nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh (nền tảng trung tâm giám sát, điều hành thông minh; nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; nền tảng trợ lý ảo; ...); tiến hành tích hợp với hệ thống LGSP của tỉnh phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh của tỉnh trên các lĩnh vực. Trọng tâm là phát triển Trung tâm IOC: xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng Trung tâm IOC, hỗ trợ thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu phục vụ giám sát và điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai tích hợp cảm biến và công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực thiết yếu như giao thông, môi trường, quản lý đô thị, an ninh trật tự,...

- Mở rộng, duy trì các dịch vụ công cộng: Phát triển hệ thống wifi công cộng tại các khu công nghiệp, bệnh viện, trường học, điểm du lịch và khu vực công cộng để đáp ứng nhu cầu tương tác thông tin của người dân và doanh nghiệp; hỗ

trợ cung cấp miễn phí chữ ký số công cộng cho người dân để thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

- Đầu tư vào công nghệ mới: Mở rộng hạ tầng điện toán đám mây, công nghệ Blockchain và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước; phát triển ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực giao thông, quản lý môi trường và đô thị thông minh để nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.

- Duy trì, cập nhật, nâng cấp Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh, hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tới cấp xã nhằm đảm bảo phục vụ công tác truyền thanh cơ sở.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Duy trì nâng cao năng lực của Trung tâm SOC (trung tâm điều hành an ninh mạng) của tỉnh, đảm bảo đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn mới nhất của Việt Nam, tích hợp kết nối với hệ thống giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng quốc gia.

- Định kỳ hàng năm triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến các cán bộ, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ phụ trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách CNTT các doanh nghiệp, tổ chức.

- Tổ chức đánh giá định kỳ mức độ an toàn các hệ thống thông tin; đẩy mạnh các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định của nhà nước. Hướng tới mục tiêu tất cả các hệ thống thông tin thuộc cơ quan nhà nước đều được đánh giá phân loại cấp độ an toàn thông tin.

- Ưu tiên nguồn lực, kinh phí bảo đảm an toàn thông tin; sử dụng ít nhất 10% ngân sách chi cho CNTT dành cho công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

5. Phát triển nguồn nhân lực số

- Triển khai thực thi các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao tại tỉnh Lâm Đồng.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân: Tổ chức các khóa đào tạo, phổ biến tri thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; đào tạo kỹ năng số cho người lao động trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, đột phá và các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng;

- Phát triển, đổi mới và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đào tạo: Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh; đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, Điện tử, Tự động hóa, Điện tử viễn thông..., chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của CMCN 4.0 như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu; đổi mới cập nhật chương trình đào tạo tin học, kỹ năng số tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để hình thành thói quen số, văn hóa số.

6. Phát triển chính quyền số

- Cập nhật định kỳ Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Lâm Đồng phù hợp với các quy định hiện hành.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; phát triển các nền tảng, hệ thống dùng chung, nhất là các hệ thống có thể dùng chung toàn tỉnh như: hệ thống quản lý gửi - nhận văn bản; hệ thống quản lý phục vụ điều hành và tác nghiệp...

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên mọi nền tảng, đặc biệt là các thiết bị di động thông minh, mang đến cho người dân và doanh nghiệp trải nghiệm dịch vụ nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ và tiết kiệm chi phí. Quy trình nghiệp vụ thực hiện thủ tục hành chính được số hóa toàn diện, kết hợp rà soát và tối ưu hóa nhằm đơn giản hóa các bước thực hiện.

- Thúc đẩy việc áp dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc, cải cách thủ tục hành chính và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Phát triển các nền tảng số để tổng hợp và phân tích dữ liệu, dựa trên việc kết nối và khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Từ đó, xây dựng hệ thống dữ liệu công dân số để phục vụ công tác quản lý.

- Triển khai, nâng cấp, hoàn thiện và đẩy mạnh vai trò giám sát, điều hành của Trung tâm điều hành đô thị thông minh, đảm bảo tính đồng bộ, liên thông và thực sự phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định quản lý.

7. Phát triển kinh tế số

- Tập trung thúc đẩy và khuyến khích mở rộng ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh, bao gồm sản xuất công nghiệp, nông

nghiệp, du lịch, thương mại và dịch vụ. Hỗ trợ các doanh nghiệp và hợp tác xã trong việc đưa sản phẩm OCOP cùng các đặc sản chủ lực của địa phương lên các sàn thương mại điện tử, đồng thời phát triển và khuyến khích các mô hình kinh doanh an toàn trên nền tảng trực tuyến.

- Tổ chức các hoạt động giới thiệu các giải pháp chuyển đổi số của các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực công nghệ đến với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ trên địa bàn tỉnh, giúp doanh nghiệp nắm bắt cơ hội và triển khai chuyển đổi số hiệu quả; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ ứng dụng công nghệ số để đổi mới phương thức quản trị, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm, gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Thúc đẩy thanh toán điện tử không dùng tiền mặt tại mọi ngành lĩnh vực.

- Xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

8. Phát triển xã hội số

- Phát triển ứng dụng công dân số tỉnh Lâm Đồng, tích hợp đầy đủ các ứng dụng, dịch vụ và tiện ích trên một nền tảng duy nhất, nhằm phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Ứng dụng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các dịch vụ công, thanh toán trực tuyến, tra cứu thông tin và các tiện ích khác, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện phát triển dữ liệu công dân số, hướng tới mục tiêu toàn bộ người dân đều sở hữu danh tính số.

- Duy trì đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số. Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các nền tảng, ứng dụng số phục vụ cuộc sống như VNeid, Sổ sức khỏe điện tử, Vssid, Etax... Cùng với đó đẩy mạnh hoạt động sử dụng và cài đặt ứng dụng công dân số Lâm Đồng.

- Cung cấp dữ liệu mở và từng bước mở các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để người dân, doanh nghiệp có thể chủ động tiếp cận, khai thác phục vụ nhu cầu cá nhân và sử dụng cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, thư viện phục vụ người dân. Huy động nguồn lực nhà nước và xã hội hóa để đầu tư lắp đặt mạng Internet và các trang thiết bị công nghệ thiết yếu tại các địa điểm công cộng như Nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin, tiếp cận

công nghệ số của nhân dân; thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số tại cơ sở nhanh, thực chất, góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân.

V. GIẢI PHÁP

1. Xác định mũi đột phá ưu tiên nguồn lực làm nền tảng và thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong các năm tiếp theo

1.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu tỉnh Lâm Đồng

- Thực hiện có hiệu quả Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được ban hành tại Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời triển khai hoàn thành dự án Cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung để phát triển kho dữ liệu dùng chung và cổng dữ liệu mở của tỉnh với yêu cầu có thể kết nối, đồng bộ dữ liệu của tất cả các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh.

- Ưu tiên phát triển hoàn thiện các dữ liệu số đối với các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số (nông nghiệp và môi trường, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo,...). Tập trung nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các dữ liệu số có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

1.2. Phát triển Trung tâm Điều hành đô thị thông minh

Phát triển Trung tâm Điều hành đô thị thông minh là hệ thống cung cấp cho lãnh đạo cách nhìn toàn diện, tập trung về các hoạt động đang tiếp diễn, thực hiện giám sát và quản lý chất lượng dịch vụ một cách tổng thể, cho phép phân tích dữ liệu lớn, hỗ trợ ra quyết định, xây dựng phương án tổ chức, điều hành với các tình huống cụ thể.

2. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng tại tỉnh Lâm Đồng, bao gồm các cuộc hội nghị, hội thảo, tọa đàm, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về chuyển đổi số. Nhấn mạnh lợi ích thiết thực trong việc tham gia và sử dụng các dịch vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Kết hợp tuyên truyền chuyển đổi số với cải cách hành chính và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh Lâm Đồng, thúc đẩy doanh nghiệp trên địa bàn tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

- Tổ chức các sự kiện thường niên về chuyển đổi số tại Lâm Đồng để giới thiệu các thành tựu, thu hút sự quan tâm và góp ý từ các cấp, các ngành và cộng đồng.

- Triển khai vận động, tuyên truyền nhằm nâng cao tri thức công nghệ số cho người dân, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và miền núi, tạo điều kiện để tiếp cận các dịch vụ số hóa trong tỉnh.

- Xây dựng cơ chế đánh giá, biểu dương và khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong chuyển đổi số tại Lâm Đồng.

3. Nhóm giải pháp về công nghệ và tiêu chuẩn

- Triển khai đồng bộ hạ tầng CNTT tại Lâm Đồng, tập trung vào các nền tảng điện toán đám mây và ảo hóa, nhằm lưu trữ và quản lý hiệu quả cơ sở dữ liệu và các ứng dụng phục vụ chuyển đổi số.

- Ưu tiên ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), và dữ liệu lớn (Big Data) để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số cho các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh như công nghiệp, du lịch và nông nghiệp.

- Ban hành các tiêu chuẩn kết nối, tích hợp dữ liệu trong phạm vi tỉnh, đảm bảo khả năng chia sẻ, truy cập thông tin an toàn và thuận tiện giữa các cơ quan, tổ chức.

- Phát triển các tiêu chuẩn mở để chia sẻ dữ liệu và đảm bảo tính liên thông trong toàn hệ thống chuyển đổi số của tỉnh Lâm Đồng.

4. Nhóm giải pháp về giám sát, đánh giá

- Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số phù hợp với đặc điểm và điều kiện thực tế của Lâm Đồng.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các hệ thống thông minh đã triển khai, đồng thời đề xuất các giải pháp kịp thời để khắc phục tồn tại và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại tỉnh.

5. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và đào tạo nhân lực

- Tăng cường sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, tổ chức để vận hành và quản lý hệ thống chuyển đổi số của tỉnh.

- Triển khai chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân tại Lâm Đồng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Ưu tiên áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến, đặc biệt cho các khu vực vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chế độ đãi ngộ và ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin theo đúng quy định của Trung ương và của tỉnh.

6. Nhóm giải pháp về tài chính

- Huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và tài trợ hợp pháp để phát triển hệ thống phần mềm và triển khai các dịch vụ chuyển đổi số cho tỉnh Lâm Đồng.

- Ưu tiên đầu tư tài chính cho các dự án chuyển đổi số ở các lĩnh vực cải cách hành chính, giáo dục, y tế, du lịch và hạ tầng đô thị thông minh.

7. Nhóm giải pháp về an toàn thông tin

- Phân bổ tối thiểu 15% tổng kinh phí thực hiện chương trình, đề án, dự án đầu tư chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm việc thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp chuyên trách.

- Áp dụng các tiêu chuẩn an toàn thông tin theo quy định của Chính phủ, đảm bảo dữ liệu của tỉnh được bảo mật ở mức độ cao nhất.

- Tổ chức định kỳ các buổi đào tạo, diễn tập về ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho đội ngũ cán bộ CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển các cơ chế giám sát và bảo vệ an toàn dữ liệu cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh Lâm Đồng.

VI. KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn

Ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Lộ trình thực hiện

Thời gian: Triển khai giai đoạn 2026 – 2030.

Kinh phí đầu tư: dự kiến: **1.886.105** triệu đồng.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lâm Đồng (Ban Chỉ đạo tỉnh)

- Đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương phối hợp thực hiện chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách của quốc gia, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2026 - 2030 và các đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh về chuyển đổi số. Điều phối việc thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

2. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

3. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của đề án và phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu tiếp cận tư vấn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực chủ quản.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lựa chọn đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyển đổi số.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện cho Trung ương, UBND tỉnh theo quy định.

- Tham mưu tổ chức các công tác sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

4. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Đề án.

5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh quyết định phê duyệt Đề án, thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch đầu tư công

trung hạn và bố trí nguồn kinh phí hằng năm (từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động khác) để thực hiện các dự án, nhiệm vụ trong danh mục theo đề án được phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để triển khai các nhiệm vụ thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chậm nhất sau 60 ngày kể từ khi ban hành Đề án, các sở, ban, ngành xây dựng Kế hoạch để tổ chức thực hiện, gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, được giao trong đề án; phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Định kỳ trước ngày 15/6 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 15/12 (đối với báo cáo năm) hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

7. UBND các xã, phường, đặc khu

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và tỉnh.

- Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan để xây dựng, thực hiện các dự án triển khai chuyển đổi số trên địa bàn theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số cấp xã với các nội dung cụ thể sau:

- + Xây dựng hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền thông minh, tận dụng hiệu quả các đường truyền dẫn Internet, mạng LAN cấp xã; đào tạo nâng cao trình độ sử dụng CNTT cho cán bộ, tăng cường đảm bảo an toàn thông tin.

- + Lắp đặt POS, QR Code tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã, phường, tạo điều kiện cho người dân thanh toán phí, lệ phí các TTHC phát sinh.

- + Phát triển thương mại điện tử: Kết nối sàn Thương mại điện tử; đưa sản phẩm nông sản, sản phẩm của làng nghề (nếu có) lên sàn. Sản phẩm OCOP của

xã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội. Xã được gán và cập nhật địa chỉ bưu chính.

+ Y tế thông minh: triển khai tư vấn, chăm sóc sức khỏe từ xa cho người dân (Tele medicine). Khám chữa bệnh từ xa kết nối trạm y tế cấp xã với các bệnh viện lớn (Tele Health).

+ Xây dựng Chính quyền điện tử cấp xã: Thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. Triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành như quản lý thông tin nhân khẩu, hộ gia đình trên địa bàn, quản lý các chính sách an sinh xã hội, xây dựng kênh trao đổi, tương tác trực tuyến giữa chính quyền xã và nhân dân, bản tin điện tử của UBND xã qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ cấp xã về chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số.

8. Trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

Tham gia tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trong đề án góp phần thiết thực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển hạ tầng CNTT, hạ tầng viễn thông nói riêng.

Phần IV

DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ KẾT LUẬN

I. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả về quản lý nhà nước

Việc triển khai hiệu quả Đề án sẽ hình thành cơ sở dữ liệu toàn tỉnh, các hệ thống thông tin, nền tảng số làm thay đổi về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hoạt động chuyên môn của các cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu, từ đó có tác động tích cực đến phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan nhà nước của tỉnh theo hướng:

- Công tác quản lý, điều hành tập trung hơn, dễ dàng hơn, minh bạch hơn nhờ vào dữ liệu; góp phần nâng cao uy tín của chính quyền đối với người dân, doanh nghiệp, đưa chính quyền đến gần người dân hơn thông qua môi trường số.

- Hỗ trợ chính quyền chỉ đạo và điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu một cách toàn diện nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hỗ trợ công tác tổng hợp, phân tích thông tin và dự báo dựa trên dữ liệu phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

- Góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phục vụ công dân, doanh nghiệp tốt hơn.

2. Hiệu quả về kinh tế - xã hội

- Cung cấp các công cụ hỗ trợ cho doanh nghiệp tương tác, làm thủ tục hành chính với chính quyền dễ dàng hơn, nhanh hơn, tập trung hơn và mang đến môi trường làm việc hiệu quả, minh bạch hơn cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp có thêm công cụ kết nối, cách tiếp cận mới đối với khách hàng, người dân trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm thiểu chi phí trong quản lý và kinh doanh, cải thiện hệ thống vận hành doanh nghiệp.

- Thúc đẩy việc phát triển, hình thành thói quen sử dụng các nền tảng thanh toán số, thông qua đó định hình lại phương thức giao dịch theo hướng tiện ích hơn, minh bạch hơn, hiện đại và nhanh chóng hơn.

- Góp phần cải thiện tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ tài chính cơ bản, quản lý các chương trình an sinh xã hội (giúp đỡ người nghèo) đúng đối tượng và minh bạch; tạo ra các mô hình kinh doanh mới trong hệ thống doanh nghiệp của tỉnh, và phát triển kéo theo sự phát triển bền vững nền kinh tế cho tỉnh.

- Mở ra cánh cửa, cơ hội cho mỗi người dân, đặc biệt là người nông dân trên địa bàn tỉnh dễ dàng tiếp cận các cơ hội việc làm, tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh đối với các lĩnh vực đặc trưng, có thế mạnh của tỉnh; thu hẹp khoảng cách địa lý, nhất là người dân vùng sâu, vùng xa, khó khăn của tỉnh, mang đến cơ hội bình đẳng cho người dân về tiếp cận dịch vụ, mang lại cho người dân những tiến bộ lớn về chất lượng cuộc sống thông qua công nghệ số.

- Có tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, phát huy tối đa quyền của mỗi công dân trong việc tham gia hoạt động tương tác với chính quyền và phản biện đối với xã hội; đồng thời, mở ra một không gian mới, tăng cường khả năng tương tác giữa người dân với chính quyền, doanh nghiệp với chính quyền, chính quyền các cấp với nhau, từ đó cung cấp đầy đủ, toàn diện thông tin hỗ trợ, tác động qua lại lẫn nhau để hoạt động của người dân, chính quyền và doanh nghiệp ngày một tốt hơn. Mang đến cho người dân môi trường sống tiện lợi hơn, người dân có điều kiện hỗ trợ thông tin cho chính quyền và được hưởng lợi mang lại từ dữ liệu, thông tin mà mình đã đóng góp, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Tạo ra môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế bền vững.

3. Tác động của chuyển đổi số lên cuộc sống

Chuyển đổi số hiện đang tác động ngày một sâu, rộng vào công việc và cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân. Bên cạnh đó, chuyển đổi số cũng đang tác động vào tất cả các ngành công nghiệp, thách thức tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nói chung và của tỉnh Lâm Đồng nói riêng, theo các cách:

- Xu hướng thứ nhất, chuyển đổi số trong các dịch vụ sinh hoạt giúp người dân được trang bị các hệ thống dịch vụ hỗ trợ thông minh, hỗ trợ thực hiện các công việc trong cuộc sống một cách hiệu quả hơn. Xu hướng này giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh tiết kiệm được thêm thời gian và công sức nhờ có các công cụ nghiên cứu hoặc phân tích dữ liệu cho các dịch vụ sinh hoạt tương ứng được cung cấp bởi các sản phẩm của chuyển đổi số.

- Xu hướng thứ hai, chuyển đổi số trong công nghệ truyền thông. Các công nghệ mới cho phép mỗi người dân trong tỉnh được giao tiếp với nhau một cách dễ dàng và thuận tiện hơn thông qua các nền tảng số. Điều này giúp mọi người kết nối với nhau chặt chẽ hơn, đảm bảo cho giúp đỡ nhau trong công việc hiệu quả hơn.

- Xu hướng thứ ba, chuyển đổi số trong lưu thông thị trường. Hiệu quả của đề án chuyển đổi số sẽ tác động đến tất cả các ngành công nghiệp, các doanh nghiệp và chuỗi sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT LUẬN

1. Hoạt động chuyển đổi số cần sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân nhằm xây dựng một hệ sinh thái số bền vững, đồng bộ.

2. Việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp về chuyển đổi nhận thức, hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực không chỉ góp phần giúp tỉnh Lâm Đồng thực hiện hiệu quả các mục tiêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 02-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - trong đó xác định đến năm 2030 Lâm Đồng thuộc nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số - mà còn tạo dựng nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển bền vững của tỉnh trong bối cảnh kinh tế số toàn cầu tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.

3. Chuyển đổi số giúp nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh tận dụng các cơ hội kinh tế số, thu hút đầu tư, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đặc biệt, các doanh nghiệp địa phương có thể mở rộng thị trường, tối ưu hóa quy trình sản xuất và tăng trưởng doanh thu nhờ các công nghệ số. Bên cạnh đó, còn cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và quản lý hành chính từ việc ứng dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ công giúp người dân tiếp cận dịch vụ nhanh chóng, minh bạch và tiết kiệm chi phí góp phần xây dựng chính quyền số hiện đại, hiệu quả, và tăng cường niềm tin của người dân vào cơ quan nhà nước.

4. Xây dựng nguồn nhân lực số chất lượng cao trong quá trình chuyển đổi số với yêu cầu phải đầu tư vào đào tạo, nâng cao kỹ năng công nghệ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

5. Ưu tiên nguồn lực để tập trung triển khai các mũi đột phá đã được xác định trong đề án./.



PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
I	Chuyển đổi nhận thức				20.000	
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, hội thi chuyên đề về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	10.000	Nguồn ngân sách nhà nước
3	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	2.500	Nguồn ngân sách nhà
4	Biểu dương, khen thưởng và tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến có cách làm hay về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	1.500	Nguồn ngân sách nhà nước
5	Triển khai các hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng	UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở, ngành	2026-2030	1.000	Nguồn ngân sách nhà nước
II	Kiến tạo thể chế					Nguồn kinh phí hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách liên quan ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm		
2	Tổ chức triển khai thực hiện chính sách thu hút, phát triển nguồn nhân lực CNTT có chất lượng làm việc trong các cơ quan, đơn vị của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm		
3	Xây dựng chính sách tạo thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm		
4	Xây dựng các quy định, quy chế về xây dựng, phát triển và sử dụng dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm		
5	Xây dựng các quy định, quy chế về quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số	Các đơn vị giao chủ trì đầu tư các hệ thống thông tin, nền tảng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm		
6	Xây dựng các quy định, quy chế về an toàn thông tin	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm		
III	Phát triển hạ tầng số					
III.1	Hạ tầng viễn thông và Internet				30.000	
1	Duy trì, nâng cao chất lượng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính phủ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	30.000	Nguồn ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
2	Phát triển hạ tầng cáp quang chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 4G, 5G	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm		Nguồn xã hội hoá (các doanh nghiệp viễn thông)
III.2	Hạ tầng dữ liệu				1.466.639	
1	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	45.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2	Phòng họp không giấy tờ				10.000	
3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh				65.000	
4	Hệ thống báo cáo tỉnh				15.000	
5	Triển khai Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng và các Trang thông tin điện tử thành phần các Sở, Ngành, UBND các xã, phường, đặc khu				30.000	
6	Kinh phí thuê dịch vụ mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại tỉnh đến cấp xã phục vụ Hội nghị truyền hình trực tuyến và vận hành Hệ thống truyền hình trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	24.000	Nguồn ngân sách nhà nước
7	Hệ thống quản lý văn bản điều hành tỉnh			2026-2027	17.000	
8	Ứng dụng Công dân số			2026-2027	9.435	
9	Trục kết nối chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh			2026-2027	11.200	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
10	Dự án Xây hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2025-2026	594.092	Nguồn ngân sách trung ương và địa phương
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực thông tin và truyền thông		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2027	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
12	Số hóa, định danh điện tử, Internet vạn vật (IOT), Dữ liệu lớn (Big Data), Trí tuệ nhân tạo (AI), Nền tảng chuỗi khối (Blockchain)		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2027	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
13	Dự án “Số hóa tài liệu tập trung” thuộc “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	50.000	Nguồn ngân sách nhà nước
14	Dự án “Phát triển dữ liệu số và số hóa tài nguyên di sản văn hóa tỉnh Lâm Đồng” thuộc “Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030”		Các sở, ngành; UBND các xã, phường; các đặc khu	2026-2028	55.000	Nguồn ngân sách nhà nước.
15	Số hóa thực tế ảo VR360 các điểm du lịch tỉnh		Các sở, ngành; UBND các xã, phường; các đặc khu	2026	4.474	Nguồn ngân sách nhà nước
16	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường kết nối liên thông với các bộ, ngành	Sở Nông nghiệp và Môi trường		2026	60.000	Nguồn ngân sách nhà nước
17	Lắp đặt hệ thống quan trắc mức nước, lượng mưa, lưu lượng và giám sát vận hành các hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn tỉnh			2026	20.000	Nguồn ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
18	Xây dựng CSDL lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (rừng, thủy lợi, trồng trọt, tàu cá; nuôi trồng thủy, hải sản; sản phẩm OCOP; cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản...)		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	7.000	Nguồn ngân sách nhà nước
19	Xây dựng CSDL lĩnh vực tư pháp (xử lý vi phạm hành chính)	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	3.500	Nguồn ngân sách nhà nước
20	Xây dựng CSDL lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã; dự án đầu tư)	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
21	Xây dựng CSDL lĩnh vực tài chính (dữ liệu về giá)		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2027	2.000	Nguồn ngân sách nhà nước
22	Dự án xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026	66.000	Nguồn ngân sách nhà nước
23	Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin Bệnh viện II Lâm Đồng			2026	14.850	Nguồn ngân sách nhà nước
24	Triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh			2026-2027	238.741	Nguồn ngân sách nhà nước
25	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) ngành y tế			2026 - 2030	18.000	Nguồn ngân sách nhà nước
26	Mua sắm thiết bị triển khai hoạt động Khám chữa bệnh từ xa tại các cơ sở xa trung tâm, chuyển giao các DVKT từ tuyến trên			2026 - 2030	15.000	Nguồn ngân sách nhà nước
27	Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử				8.847	Nguồn ngân sách nhà nước
28	Xây dựng CSDL lĩnh vực y tế (khám chữa bệnh, hồ sơ sức khỏe)			2026 - 2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
29	Xây dựng CSDL lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
30	Xây dựng CSDL lĩnh vực nội vụ (tài liệu lưu trữ lịch sử; hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp)	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
31	Xây dựng CSDL lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội (người có công, lao động, việc làm)		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2027	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
32	Xây dựng CSDL lĩnh vực xây dựng (hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp phép xây dựng)	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
33	Xây dựng CSDL lĩnh vực giao thông (hạ tầng giao thông)		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
34	Xây dựng CSDL quản lý khu công nghiệp	Ban Quản lý các khu công nghiệp Lâm Đồng	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030	1.000	Nguồn ngân sách nhà nước
35	Chỉnh lý, số hóa tài liệu và thuê hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ số hóa	Thanh tra tỉnh		2026 - 2030	31.000	Nguồn ngân sách nhà nước
36	Xây dựng hệ thống thông tin nghiệp vụ ngành Công thương tỉnh Lâm Đồng	Sở Công thương		2026	7.500	Nguồn ngân sách nhà nước
III.3	Hạ tầng vật lý - số				292.355	
1	Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm	10.000	Nguồn ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
2	Phát triển hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ của các cơ quan, đơn vị đảm bảo an toàn thông tin mạng; thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số (đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, thông suốt)	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2027	30.000	Nguồn ngân sách nhà nước
3	Trang thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở vật chất của Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh và các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở, ngành	2026-2027	40.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4	Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống hội nghị truyền hình của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	20.000	Nguồn ngân sách nhà nước
5	Duy trì, nâng cấp, thay thế thiết bị của Hệ thống hội nghị truyền hình tại 124 điểm cầu (UBND tỉnh: 04 điểm cầu; 248 điểm cầu UBND các xã, phường, đặc khu (01 điểm cầu khối đảng; 01 điểm cầu khối chính quyền)	Văn phòng UBND tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở, ngành	Hàng năm	6.000	Nguồn ngân sách nhà nước
6	Mua sắm trang thiết bị, phần mềm phục vụ công tác của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	600	Nguồn ngân sách nhà nước
7	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	185.755	Nguồn ngân sách Trung ương
III.4	Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số				69.771	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	Phát triển hệ sinh thái số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức (tích hợp kho dữ liệu tỉnh, các nền tảng số, xác thực tập trung, trợ lý ảo...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2	Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ công tác tổng hợp, xử lý văn bản ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2025-2027	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
3	Thuê Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính của tỉnh gắn với sử dụng Tổng đài 1022	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	2.200	Nguồn ngân sách nhà nước
4	Thuê Nền tảng trợ lý ảo du lịch đa ngôn ngữ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2028	3.440	Nguồn ngân sách nhà nước
6	Thuê Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Lâm Đồng		Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	9.771	Nguồn ngân sách nhà nước
7	Mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh		Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	13.000	Nguồn ngân sách nhà nước
8	Hệ thống thông tin quản lý về an sinh xã hội	Sở Nội vụ	UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2027	1.200	Nguồn ngân sách nhà nước
9	Hệ thống thông tin Quản lý người có công		UBND các xã, phường, đặc khu	2026	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
10	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục Lâm Đồng	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	10.000	Nguồn ngân sách nhà nước
11	Xây dựng Hệ thống nghiệp vụ ngành Công Thương	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	5.100	Nguồn ngân sách nhà nước
12	Xây dựng Hệ thống quản lý thông tin hạ tầng kỹ thuật đô thị và cấp phép xây dựng tỉnh Lâm Đồng	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
13	Xây dựng Hệ thống thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
14	Thuê Duy trì hoạt động hệ thống giám sát, quản lý tập trung cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	10.000	Nguồn ngân sách nhà nước
IV	Phát triển nguồn nhân lực				7.400	
1	Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2	Đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho đối tượng chuyên trách chuyển đổi số (bao gồm lĩnh vực an toàn thông tin mạng)		Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030	2.400	Nguồn ngân sách nhà nước